TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Trí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

2. Ông Phạm Công K, sinh năm 1948.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông K: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Nhì Tây, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 02/6/2022).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962.

2. Ông Lương Văn G, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà C, bà N có mặt, ông G có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày như sau:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K là chỗ quen biết với vợ chồng ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị N. Ông G và bà N nói đang khó khăn nên hỏi bà N và ông K vay số tiền 125.000.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Bà N và ông K đồng ý cho vay. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1 ngày 26/01/2021, vay số tiền 30.000.000đồng;

Lần 2 ngày 01/3/2021, vay số tiền 20.000.000đồng;

Lần 3 ngày 16/3/2021, vay số tiền 10.000.000đồng;

Lần 4 ngày 30/4/2021, vay số tiền 5.000.000đồng;

Lần 5 ngày 07/5/202,1 vay số tiền 50.000.000đồng;

Lần 6 ngày 30/10/2021, vay số tiền 10.000.000đồng;

Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Thời gian trả là sau 01 tháng, kể từ ngày 30/10/2021 (tức đến 30/11/2021 trả). Từ khi bà N, ông K cho ông G, bà N vay tiền đến nay thì ông G và bà N chưa trả được cho bà N, ông K khoản tiền nào. Nay bà N, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lương Văn G phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N, ông K số tiền đã vay là 125.000.000đồng, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Bà thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về số tiền vay, thời gian vay, lãi suất vay, thời điểm trả tiền. Bà xác định đến thời điểm hiện nay thì bà và ông G còn nợ vợ chồng bà N, ông K số tiền vay là 125.000.000đồng. Nay bà N, ông K yêu cầu bà và ông G có trách nhiệm liên đới trả số tiền đã vay 125.000.000đồng thì bà đồng ý, nhưng do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Lương Văn G trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông xác nhận là ông và bà N có nợ bà N và ông K số tiền vay 125.000.000đồng. Nay bà N, ông K yêu cầu ông và bà N liên đới trả số tiền này thì ông đồng ý. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng, trả cho đến khi hết nợ, vì bận việc nên ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

Tại phiên Tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị N trình bày bổ sung: Bà đồng ý cùng ông Lương Văn G trả số tiền nợ vay 125.000.000đồng nhưng xin trả mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà không đồng ý cho ông G và bà N trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng hoặc 5.000.000đồng, yêu cầu ông G và bà N trả một lần số tiền 125.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lương Văn G, bà Nguyễn Thị N, ông G và bà N hiện có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N, ông K cho rằng ông G và bà N có nợ ông bà số tiền 125.000.000đồng, hẹn đến ngày 30/11/2021 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà N, ông K yêu cầu ông G và bà N trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Ông G và bà N đồng ý cùng liên đới trả cho bà N, ông K số tiền 125.000.000đồng, nhưng hoàn cảnh khó khăn nên ông G xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng, bà N xin trả mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

[3] Căn cứ bản tự khai ngày 01/7/2022 của ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị N; Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 02/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thì ông G, bà N thừa nhận có nợ số tiền vay của ông K, bà N là 125.000.000đồng, đây là sự thật khách quan của vụ án, không cần chứng minh theo Điều 92 BLTTDS. Hai bên thừa nhận thời gian vay là 1 tháng kể từ ngày 30/10/2021, tức đến ngày 30/11/2021, ông G, bà N phải có trách nhiệm trả cho ông K, bà N số tiền 125.000.000đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn nhưng cho đến nay bà N, ông G vẫn chưa trả tiền vay cho bà N, ông K là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, bà N, ông G phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ 125.000.000đồng cho bà N, ông K. Ông G xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ ồng, bà N xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng, nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà C đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về tiền lãi: Bà N, ông K không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông G và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K do bà Nguyễn Thị Kim C là người đại diện theo ủy quyền về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Lương Văn G, bà Nguyễn Thị N.

Ông Lương Văn G, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K số tiền nợ vay 125.000.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn G phải chịu 3.125.000đồng, sung vào ngân sách Nhà nước. Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Công K là người cao tuổi, không nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho ông bà.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Cương